

Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân

Lời Tòa soạn: Cuốn sách “Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam - thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân” được xuất bản năm 2009 gồm 335 trang. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam, do Viện Gia đình và Giới thực hiện năm 2008, Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh chủ biên.

Cuốn sách ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị gồm có 3 phần chính với 9 chương. Phần thứ nhất trình bày tổng quan các nghiên cứu đã công bố về bạo lực gia đình trên cơ sở giới. Phần thứ hai gồm phân tích định lượng về bạo lực gia đình từ 3 cuộc khảo sát: Điều tra của Ngân hàng thế giới (1999); Điều tra SAVY (2003) và Điều tra Thực trạng bình đẳng giới (2005). Phần thứ ba trình bày những phát hiện chính của cuộc khảo sát định tính về diễn tiến của bạo lực gia đình, các yếu tố thúc đẩy và hạn chế bạo lực gia đình và hoạt động phòng ngừa, can thiệp từ các tổ chức. Cuối cùng là phần phụ lục với một số trường hợp bạo lực gia đình và biện pháp can thiệp.

Phần thứ nhất: Nhận diện bạo lực gia đình và cơ sở pháp lý phòng chống bạo lực gia đình gồm 3 chương: Chương 1: Thực trạng bạo lực gia đình, Chương 2: Hậu quả và môi trường nảy sinh bạo lực gia đình và Chương 3: Cơ sở pháp lý, thể chế và biện pháp phòng chống bạo lực gia đình.

Chương 1: Thực trạng bạo lực gia đình. Vấn đề bạo lực gia đình đã được nghiên cứu từ rất sớm, nhưng các nghiên cứu có tính chuyên sâu về bạo lực gia đình ở Việt Nam mới chỉ bắt đầu vào những năm 90 của thế kỷ trước. Các nghiên cứu đã kết hợp cả phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng hỏi cá nhân và phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát, phân tích văn bản... Các nghiên cứu đã được triển khai ở các vùng miền khác nhau của Việt Nam, qua đó, các tác giả đã dựa trên

hiện tượng, tính chất, mức độ... của bạo lực gia đình để phân loại. Các cách phân loại chủ yếu thường được đề cập là: hai loại, ba loại, bốn loại và năm loại bạo lực gia đình. Loại hai loại gồm bạo lực nhìn thấy được và bạo lực không nhìn thấy được. Loại ba loại gồm bạo hành thể xác, bạo hành tinh thần và bạo hành tình dục. Loại bốn loại gồm ngược đãi thân thể, ngược đãi về lời nói, ngược đãi về tình cảm và ngược đãi liên quan đến tình dục. Cuối cùng là loại năm loại, bao gồm các hình thức cưỡng bức thân thể, cưỡng bức tình dục, cưỡng bức về tâm lý và tình cảm, cưỡng bức về mặt xã hội và cưỡng bức về mặt tài chính. Trong chương 1, các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng bạo lực gia đình ở Việt Nam vẫn là một hiện tượng khá phổ biến và diễn ra dưới các loại hình khác nhau, trong đó bạo lực chống lại phụ nữ về thể chất thường được nghiên cứu nhiều hơn so với các hình thức khác.

Chương 2: Hậu quả và môi trường nảy sinh bạo lực gia đình. Đối với mỗi con người thì gia đình được coi là nơi trú ngụ của hạnh phúc, cái nôi nuôi dưỡng và giáo dục trẻ thơ, nơi trở về sau mỗi lần vấp ngã. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, bạo lực đang trở thành một trong những nguy cơ biến gia đình thành “địa ngục trần gian”. Và dù ở bất cứ nơi đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào thì bạo lực gia đình luôn để lại những hậu quả không chỉ về thể chất, tinh thần mà còn về mặt kinh tế, xã hội. Những hậu quả của bạo lực gia đình có thể kể đến như: đe dọa sự an toàn của các thành viên trong gia đình; làm rạn nứt, tan vỡ quan hệ gia đình; gây ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách của trẻ; gây tác động tiêu cực tới sự ổn định của cộng đồng. Theo các tác giả, có ba môi trường làm nảy sinh và duy trì bạo lực gia đình, đó là định kiến giới, tình trạng nghèo khổ và các cách ứng xử trong mối quan hệ vợ chồng, gia đình, họ hàng, bạn bè. Chủ thể của các hành vi bạo lực thường là người chồng, bạn tình hoặc chồng cũ/bạn tình cũ, hay những người đàn ông quen biết của phụ nữ. Mặc dù phụ nữ là đối tượng bị bạo hành nhưng họ lại hiểu biết rất ít về quyền của bản thân. Nhiều phụ nữ không coi bạo lực là hành vi phạm pháp, chỉ khi bị đánh đập dã man, họ mới tìm đến các cơ quan chức năng. Những hạn chế trong nhận thức của chính quyền địa phương cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự cam chịu, chấp nhận của các nạn nhân bạo lực gia đình.

Chương 3: Cơ sở pháp lý, thể chế và biện pháp phòng chống bạo lực gia đình. Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc phòng chống bạo lực gia đình thông qua các hoạt động xây dựng pháp luật như: Hiến pháp 1992 (Điều 63), Luật Hôn nhân và Gia đình (Điều 125), Luật Tổ chức Chính phủ 1992, Quyết định số 106/2005/QĐ-TTg ngày 16/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010 (Mục 2). Và bước tiến quan trọng trong việc đấu tranh với bạo lực gia đình ở Việt Nam là việc Luật Bình đẳng giới được Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006. Sự kiện tiếp theo cũng không kém phần quan trọng là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội thông qua tháng 11 năm 2007

và Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 5 tháng 12 năm 2007. Đây là một văn bản luật chuyên về phòng chống bạo lực gia đình đầu tiên trong lịch sử pháp lý của nước ta. Để luật được đưa vào cuộc sống cũng như để góp phần ngăn chặn và làm giảm các hành vi bạo lực gia đình chống lại phụ nữ, có sự đóng góp rất lớn của các cơ quan tổ chức thực hiện phòng chống bạo lực gia đình như các cơ quan bảo vệ luật pháp (tòa án, viện kiểm sát, công an...); cộng đồng dân cư, hội phụ nữ và tổ hòa giải; các cơ quan truyền thông đại chúng và các tổ chức tư vấn. Với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, nhiều hoạt động can thiệp đã được tiến hành tại các địa phương trong cả nước. Cụ thể, Dự án của Hội đồng dân số và các tổ chức địa phương ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương (1997-2005); Dự án của RCGAD và CERSED tại Hà Nội, Thái Bình và Phú Thọ (2002-2005); Dự án của RaFH tại Ninh Bình (2004); Dự án của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Tây (2004)... đã mang lại được nhiều kết quả trong việc phòng chống bạo lực gia đình.

Phần thứ hai: Mức độ phổ biến của bạo lực gia đình và các yếu tố ảnh hưởng - phân tích số liệu định lượng gồm 3 chương: Chương 4: Về các cuộc điều tra và phương pháp phân tích, Chương 5: Cuộc điều tra của Ngân hàng thế giới (1999) và Chương 6: Kết quả nghiên cứu SAVY (2003) và điều tra Bình đẳng giới (2005).

Chương 4: Về các cuộc điều tra và phương pháp phân tích. Trong chương này, các nhà nghiên cứu đã đưa những thông tin tóm lược về số liệu, đặc điểm mẫu, nội dung nghiên cứu và phương pháp phân tích của các cuộc điều tra: Cuộc điều tra của Ngân hàng thế giới (1999), Cuộc điều tra SAVY (2003) và Cuộc điều tra Bình đẳng giới (2005).

Chương 5: Cuộc điều tra của Ngân hàng thế giới (1999). Thông qua số liệu của cuộc điều tra của Ngân hàng thế giới (1999), các nhà nghiên cứu đã phân tích thực trạng bạo lực gia đình ở Việt Nam theo các tiêu chí: mức độ phổ biến của các hành vi bạo lực; bạo lực gia đình với các đặc điểm cá nhân và gia đình; phản ứng của người phụ nữ đối với các loại hình bạo lực... Số liệu của cuộc điều tra cho thấy một thực tế là mâu thuẫn trong gia đình là khá phổ biến và mức độ xuất hiện các loại hành vi như nói nặng lời, mắng chửi, đánh, ép quan hệ tình dục là khá cao. Các đặc điểm cá nhân (học vấn của phụ nữ, nhóm tuổi của phụ nữ, vai trò của phụ nữ trong gia đình), các đặc điểm gia đình (khu vực sinh sống, đặc điểm về con cái, thời gian kết hôn, loại hình chung sống, kinh tế gia đình) có mối quan hệ với các hành vi bạo lực trong gia đình. Nghiên cứu chỉ ra được các hình thức phản ứng của người vợ khi bị bạo hành (gồm có: không làm gì, trả đũa, chủ động nói chuyện với chồng, nhờ họ hàng giúp đỡ, nhờ bạn bè/hàng xóm giúp đỡ, nhờ hội phụ nữ giúp đỡ, nhờ các tổ chức khác) cũng như các yếu tố liên quan đến các phản ứng của người phụ nữ đối với bạo lực gia đình, chẳng hạn như: trình độ học vấn của phụ nữ, thời gian kết hôn, môi trường sống ở đô thị hay nông thôn... Số liệu phân tích cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong cách phản ứng của người vợ

tùy theo đặc điểm gia đình, cá nhân khác nhau.

Chương 6: Kết quả nghiên cứu SAVY (2003) và điều tra Bình đẳng giới (2005). Ở hai cuộc nghiên cứu này, các tác giả cũng mô tả bức tranh về thực trạng bạo lực gia đình dựa trên mức độ phổ biến của các hành vi bạo lực và bạo lực gia đình đối với đặc điểm cá nhân và gia đình (bao gồm các yếu tố tác động từ cá nhân và gia đình của phụ nữ: học vấn, vai trò của phụ nữ trong gia đình, khu vực sinh sống, kinh tế gia đình và sở thích của chồng). Trong nghiên cứu SAVY, các thông tin về bạo lực được thể hiện trong các chỉ báo: chủi mắng, cấm đoán và đánh đập. Kết quả nghiên cứu của SAVY tiếp tục khẳng định bạo lực gia đình cũng là vấn đề của nam nữ thanh niên nói riêng và các gia đình trẻ nói chung, đồng thời cũng chỉ ra rằng bạo lực có mối quan hệ với các đặc điểm cá nhân và gia đình. Trong điều tra Bình đẳng giới, thông tin về bạo lực gia đình thể hiện ở ba chỉ báo gồm: chủi, đánh và ép quan hệ tình dục. Số liệu của điều tra Bình đẳng giới cũng cung cấp một bức tranh tương đồng với kết quả nghiên cứu của SAVY về thực trạng bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và tác động của các yếu tố, đặc điểm cá nhân, gia đình của phụ nữ.

Phần thứ 3: Diễn tiến của bạo lực gia đình – những phát hiện từ cuộc nghiên cứu định tính gồm 3 chương: Chương 7: Chu kỳ của bạo lực gia đình, Chương 8: Các yếu tố thúc đẩy và hạn chế các hành vi bạo lực và Chương 9: Hoạt động phòng ngừa và can thiệp từ các tổ chức.

Chương 7: Chu kỳ của bạo lực gia đình. Diễn tiến của bạo lực gia đình được các tác giả tổng hợp theo trình tự: nảy sinh mâu thuẫn; căng thẳng, leo thang đến bạo lực; bùng nổ bạo lực và hối hận, đổ lỗi. Các mâu thuẫn mang tính chất là nguồn gốc nảy sinh bạo lực gia đình được phân nhóm theo các lĩnh vực liên quan đến: kinh tế; kỳ vọng về vai trò; tình cảm; nuôi dạy con và thói quen, tính cách và sở thích. Những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống là khá phổ biến, trong đó, xuất hiện những mâu thuẫn tạo nên sự căng thẳng và nếu như người trong cuộc không có sự kiểm soát và giải quyết phù hợp thì việc bùng nổ bạo lực trong gia đình là điều tất yếu. Các hình thức bạo lực chủ yếu: bạo lực thân thể, bạo lực tâm lý - tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế. Trong đó, bạo lực tâm lý - tinh thần thường được mô tả một cách khó khăn hơn. Bạo lực tình dục là một hình thức bạo lực xảy ra khá phổ biến nhưng để có được sự chia sẻ của nạn nhân không phải dễ dàng vì tình dục là một chủ đề không dễ nói. Hành vi bạo lực kinh tế không phải là hành vi đơn nhất mà thường đi liền với các hành thức bạo lực khác như bạo lực thân thể hoặc tâm lý - tinh thần. Sau khi thực hiện các hành vi bạo lực, một số người gây bạo lực cũng tỏ ra hối hận nhưng đồng thời với hành vi đó họ lại đổ lỗi cho nạn nhân. Bạo lực vì thế không được chấm dứt. Chu kỳ bạo lực được lặp đi lặp lại nhiều lần.

Chương 8: Các yếu tố thúc đẩy và hạn chế các hành vi bạo lực. Những phát hiện từ các cuộc nghiên cứu định tính cho thấy có nhiều yếu tố khác nhau

tác động làm thúc đẩy hoặc hạn chế bạo lực. Các yếu tố này thường đan xen, pha trộn lẫn nhau, nhưng có thể phân theo 3 nhóm: (1) các yếu tố cá nhân (gồm có: yếu tố nhận thức, từ phía người gây bạo lực, từ phía nạn nhân); (2) các yếu tố gia đình và cộng đồng (gồm các yếu tố thúc đẩy bạo lực như quan hệ gia đình, thể diện gia đình, sự dung thứ đối với bạo lực và các yếu tố hạn chế bạo lực như gia đình và họ hàng, hàng xóm và bạn bè); (3) các yếu tố liên quan đến quyền (gia trưởng và sự lệ thuộc của nữ; bất bình đẳng về kinh tế; nhận thức, trách nhiệm và kỹ năng của cán bộ và các cơ quan liên quan). Các yếu tố tác động đến xung đột và bạo lực gia đình dù ở cấp độ cá nhân, cộng đồng hay xã hội cũng không tác động riêng rẽ. Các yếu tố này thường đan xen, phụ thuộc và thúc đẩy lẫn nhau.

Chương 9: Hoạt động phòng ngừa và can thiệp từ các tổ chức. Các tổ chức tham gia vào hoạt động phòng chống bạo lực gia đình bao gồm các ban ngành thuộc chính quyền cơ sở, các đoàn thể và các tổ chức cộng đồng. Có nhiều biện pháp ngăn ngừa, để phòng hành vi bạo lực được thực hiện ở cộng đồng như: tuyên truyền về các hành vi bạo lực và biện pháp ngăn ngừa, và để phát hiện sớm các mâu thuẫn trong gia đình, phát hiện sớm nạn nhân bạo hành và để nạn nhân nói ra tình trạng của mình thì mạng lưới hỗ trợ trong cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong vấn đề này. Hoạt động can thiệp gồm có: quy trình can thiệp (ban đầu là sự tham gia của ban hòa giải, trưởng thôn/tổ trưởng dân phố, công an, hội phụ nữ và khi tất cả các can thiệp của gia đình, cộng đồng không có hiệu quả thì nạn nhân bạo lực thì sẽ phải nhờ đến sự can thiệp của tòa án), sau quy trình can thiệp là giáo dục, xử lý người gây ra bạo lực (một số cách xử lý người gây ra bạo lực được đề cập gồm kiểm thảo trước dân, xử phạt hành chính, giáo dục cải tạo tập trung), giúp đỡ nạn nhân – một trong những yếu tố quan trọng trong các hoạt động phòng chống bạo lực. Các hoạt động can thiệp cũng mang lại những hiệu quả nhất định.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hoạt động hòa giải mới chỉ đạt được hiệu quả đối với bạo lực về thể chất. Bạo lực tâm lý và bạo lực tình dục hầu như rất khó phát hiện và rất khó để tổ hòa giải đứng ra giải quyết. Hoạt động tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình mới chỉ tập trung vào đối tượng phụ nữ và những nhóm tuổi hay xảy ra mâu thuẫn, xung đột trong hôn nhân, chưa lồng ghép hoạt động tuyên truyền ở tất cả các hội, đoàn thể. Bên cạnh đó, việc phối hợp hoạt động ở một số địa phương chưa tốt và sự phối hợp giữa các ban ngành chỉ dừng lại ở các cuộc giao ban hay các bản báo cáo, do đó công tác phòng chống bạo lực gia đình vẫn còn nhiều bất cập.

Với rất nhiều thông tin được cập nhật qua các cuộc nghiên cứu định lượng và định tính về bạo lực gia đình, cuốn sách là tài liệu bổ ích đối với các nhà nghiên cứu, những nhà hoạch định chính sách và hoạt động thực tiễn về phòng chống bạo lực gia đình và những người quan tâm đến vấn đề bạo lực của người chồng đối với người vợ. ■

Trần Thị Thanh Loan (giới thiệu)